

Số: 88/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 23 tháng 10 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt tổng số biên chế công chức trong các sở, ban, ngành tỉnh,
Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA IX - KỲ HỌP LẦN THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-BNV ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2019;

Xét Tờ trình số 3851/TTr-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt tổng số biên chế công chức trong các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố năm 2019; trên cơ sở thẩm tra của Ban Pháp chế và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số biên chế công chức trong các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là các cơ quan hành chính) năm 2019 là **1.745** biên chế, giảm **36** biên chế so với năm 2018; trong đó:

1. Sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh (cấp tỉnh): **950** biên chế, giảm **26** biên chế so với năm 2018.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện): **790** biên chế, giảm **12** biên chế so với năm 2018.

3. Chỉ tiêu biên chế dự phòng của tỉnh (giao Sở Nội vụ quản lý): **05** biên chế, tăng **02** biên chế so với năm 2018.

(Đính kèm Kế hoạch giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính năm 2019)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

1. Quyết định giao cụ thể biên chế công chức năm 2019 cho các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: Quyết định điều chuyển, tăng, giảm biên chế công chức giữa các sở, ban, ngành tỉnh trong tổng số biên chế cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt năm 2019; quyết định điều chuyển, tăng, giảm biên chế công chức giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện trong tổng số biên chế cấp huyện đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt năm 2019 và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Chỉ đạo các cơ quan thực hiện tinh giản biên chế để đảm bảo cắt giảm biên chế hàng năm và đạt chỉ tiêu tinh giản đến năm 2021 theo quy định của Trung ương.

3. Quản lý chặt chẽ việc tuyển dụng, sử dụng biên chế công chức của các cơ quan; đối với cơ quan hành chính được giao biên chế công chức năm 2019, trường hợp cần tuyển dụng do nhu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, phải có văn bản xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền trước khi thực hiện.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX - Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 23/10/2018.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT, TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Cục Thống kê tỉnh;
- TT, HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH**Trần Trí Dũng**



**KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

*(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 23/10/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2019
	Tổng cộng:	<u>1,745</u>
I	CẤP TỈNH	950
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	28
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	65
3	Thanh tra tỉnh	38
4	Sở Nội vụ	34
4	Ban Tôn giáo	10
4	Ban Thi đua - Khen thưởng	9
4	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	8
4	Trung tâm Hành chính công	2
5	Sở Tư pháp	28
6	Sở Khoa học và Công nghệ	22
6	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	7
7	Sở Xây dựng	31
7	Chi cục Giám định xây dựng	11
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	50
9	Sở Tài chính	49
10	Sở Thông tin và Truyền thông	29
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44
12	Sở Giao thông vận tải	23
12	Thanh tra giao thông	17
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	32
13	Chi cục Bảo vệ môi trường	9
13	Chi cục Biển	0
13	Chi cục Quản lý đất đai	12
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	32

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số biên chế giao năm 2019
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	42
15	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	8
16	Sở Công Thương	36
16	Chi cục Quản lý thị trường	44
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	53
17	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	7
17	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	11
17	Chi cục Kiểm lâm	10
17	Chi cục Thủy sản	10
18	Chi cục Thủy lợi	11
18	Chi cục Phát triển nông thôn	14
18	Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	6
18	Ban Dân tộc	20
19	Sở Y tế	31
19	Chi Cục Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	14
19	Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm	14
20	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Trà Vinh	29
II	CẤP HUYỆN	790
1	Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh	95
2	Ủy ban nhân dân huyện Càng Long	94
3	Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần	91
4	Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè	90
5	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	91
6	Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú	91
7	Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang	91
8	Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải	75
9	Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải	72
III	Biên chế công chức dự phòng của tỉnh	5